



nóng shè

农舍

noun · farmhouse

Example Sentences

nà zuò nóng shè hěn jiù le
那座农舍很旧了。

That farmhouse is very old.

tā men zhù zài shān jiǎo xià de nóng shè lǐ
他们住在山脚下的农舍里。

They live in a farmhouse at the foot of the mountain.

zhè zuò nóng shè jīng guò fān xiū hòu biàn chéng le yī gè shū shì de dù jià wū
这座农舍经过翻修后，变成了一个舒适的度假屋。

After renovation, this farmhouse became a cozy vacation home.

Trace each character, then write the word on your own.

农	农	农	农	农	农	农	农	农		
舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍	舍